

Số: 87/2026/QĐ-UBND

An Giang, ngày 25 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc quy định tiêu chuẩn, đối tượng được an táng
tại nghĩa trang từ trần, khu từ trần các nghĩa trang
trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 105/2012/NĐ-CP của Chính phủ về tổ chức lễ tang cán bộ, công chức, viên chức được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 237/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1683/TTr-SNV ngày 24 tháng 8 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định về việc quy định tiêu chuẩn, đối tượng được an táng tại nghĩa trang từ trần, khu từ trần các nghĩa trang trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định tiêu chuẩn, đối tượng được an táng tại nghĩa trang từ trần, khu từ trần các nghĩa trang trên địa bàn tỉnh An Giang.

b) Quyết định này không áp dụng đối với việc cải táng hài cốt người từ trần.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cá nhân thuộc đối tượng được an táng tại nghĩa trang từ trần, khu từ trần các nghĩa trang trên địa bàn tỉnh An Giang.

b) Cơ quan, đơn vị quản lý nghĩa trang.

c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc an táng đối tượng được an táng tại nghĩa trang từ trần, khu từ trần các nghĩa trang trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Tiêu chuẩn, đối tượng được an táng tại nghĩa trang từ trần, khu từ trần các nghĩa trang trên địa bàn tỉnh An Giang

1. Đối tượng 1, an táng những người từ trần có tiêu chuẩn như sau:

a) Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng (kể cả Ủy viên dự khuyết); Thứ trưởng hoặc tương đương đang công tác hoặc nghỉ hưu cư trú trên địa bàn tỉnh khi từ trần.

b) Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945.

c) Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

d) Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến.

đ) Bà mẹ Việt Nam anh hùng”; Chồng Bà mẹ Việt Nam Anh hùng (cha đẻ của liệt sĩ).

e) Cán bộ đã giữ chức vụ: Ủy viên Ban thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách, cán bộ giữ cấp bậc đại tá trở lên có quá trình thoát ly tham gia 02 thời kỳ kháng chiến hoặc có quá trình chiến đấu ở chiến trường B, C, K trước ngày 30/04/1975 giữ chức vụ từ Phó Chỉ huy trưởng, Phó Chính ủy Quân sự, Bộ đội Biên phòng, Phó Giám đốc Công an tỉnh.

g) Những người được tặng danh hiệu: Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân.

2. Đối tượng 2, an táng những người từ trần có tiêu chuẩn như sau:

a) Những người có công với cách mạng:

- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B (gọi chung là thương binh) và bệnh binh đang hưởng trợ cấp hằng tháng.

- Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hằng tháng.

- Người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày đang hưởng trợ cấp hằng tháng.

- Thân nhân liệt sĩ (gồm cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, người có công nuôi dưỡng liệt sĩ) đang hưởng trợ cấp hằng tháng.

- Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế.

- Người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp nuôi dưỡng hằng tháng.

b) Đảng viên có 30 năm tuổi đảng trở lên được cấp có thẩm quyền tỉnh An Giang trao tặng Huy hiệu và thuộc Đảng bộ tại tỉnh An Giang.

c) Cán bộ, công chức, viên chức đương chức hoặc nguyên chức (bao gồm cán bộ về hưu).

Đối với cấp tỉnh: có chức vụ từ Phó Trưởng phòng, ban, đơn vị sự nghiệp thuộc các sở, ban, ngành, cơ quan Đảng, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương trở lên; hoặc có thời gian công tác trong cơ quan Đảng, Nhà nước trước ngày 30/4/1975; hoặc giữ ngạch chuyên viên chính bậc 3, hệ số 5,08 đối với nữ và bậc 4, hệ số 5,42 đối với nam.

Đối với cấp xã: có chức vụ từ Phó Trưởng phòng, ban, ngành cấp xã và tương đương trở lên (hoặc giữ chức vụ từ Phó trưởng phòng, ban, ngành cấp huyện và tương đương trở lên trước ngày 01/7/2025); hoặc có thời gian công tác trong cơ quan Nhà nước trước ngày 30/4/1975; hoặc giữ ngạch chuyên viên chính bậc 3, hệ số 5,08 đối với nữ và bậc 4, hệ số 5,42 đối với nam.

d) Người đương chức hoặc nguyên chức được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm chức vụ làm việc tại các doanh nghiệp nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên (vốn nhà nước), giữ chức vụ: Tổng Giám đốc; Giám đốc; Chủ tịch Hội đồng quản trị; Chủ tịch công ty.

đ) Cán bộ, chiến sĩ thuộc các lực lượng vũ trang đương chức hoặc nguyên chức đã giữ chức vụ từ Trưởng, phó phòng đơn vị cấp tỉnh và tương đương trở lên hoặc có cấp hàm từ Thượng tá trở lên đối với nam, Trung tá trở lên đối với nữ hoặc có hệ số lương từ 6,0 trở lên.

e) Những người được tặng danh hiệu: Anh hùng Lao động, Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc ưu tú, Nghệ sĩ ưu tú.

g) Vợ hoặc chồng của người đã an táng trong nghĩa trang từ trần, khu từ trần các nghĩa trang.

Trường hợp người thuộc đối tượng an táng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 Quyết định này chưa từ trần, nhưng vợ hoặc chồng từ trần thì được an táng nếu có cam kết, đồng ý của người thuộc đối tượng an táng.

Điều 3. Nơi an táng

1. Khu từ trần Nghĩa trang tỉnh An Giang tại phường Rạch Giá (địa chỉ: Đường Mạc Cửu, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang) an táng người từ trần theo quy định tại Điều 2 Quyết định này có đăng ký thường trú tại phường Rạch Giá, phường Vĩnh Thông, xã Châu Thành, xã Bình An.

2. Nghĩa trang từ trần tỉnh An Giang tại xã An Châu (địa chỉ: Quốc lộ 91, xã An Châu, tỉnh An Giang) an táng người từ trần theo quy định tại Điều 2 Quyết định

này có đăng ký thường trú tại xã An Châu, xã Mỹ Hòa Hưng, phường Long Xuyên, phường Bình Đức và phường Mỹ Thới.

3. Nghĩa trang từ trần, khu từ trần trong nghĩa trang các xã, phường, đặc khu: An táng người từ trần theo quy định tại Điều 2 Quyết định này có đăng ký thường trú tại xã, phường, đặc khu có nghĩa trang từ trần, khu từ trần trong nghĩa trang.

4. Đối với xã, phường, đặc khu không có nghĩa trang từ trần, khu từ trần trong nghĩa trang: Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu hướng dẫn, động viên gia đình thực hiện an táng theo các hình thức hỏa táng, điện táng, an táng tại nghĩa trang nhân dân hoặc liên hệ xã, phường, đặc khu gần nhất có nghĩa trang từ trần, khu từ trần trong nghĩa trang để được xem xét bố trí nơi an táng.

Trường hợp vợ hoặc chồng người từ trần đã được bố trí an táng trong nghĩa trang từ trần, khu từ trần trong nghĩa trang, có nguyện vọng được an táng liền kề khi từ trần thì được xem xét bố trí trước vị trí an táng.

Các trường hợp đặc biệt ngoài quy định về tiêu chuẩn, đối tượng được an táng tại Điều 2 và quy định về nơi an táng tại Điều 3 Quyết định này do Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 9 năm 2026 và thay thế Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 03/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang quy định tiêu chuẩn, đối tượng được an táng tại khu từ trần các Nghĩa trang Liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *pm*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- LĐVP;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng KG-VX;
- Trung tâm Công báo – Tin học;
- Lưu: VT, btkien. *k*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Phước